UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ **TRƯỜNG MẦM NON HUỔI LÈNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/QĐ-MNHL	*Huổi Lèng, ngày 09 tháng 04 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết định phê duyệt kết quả xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 và Quyết định phê duyệt kết quả xét chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, 5 tháng đầu năm 2025
Năm học 2024-2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGD ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-PGDĐT ngày 11/03/2025 của Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà về việc phê duyệt kết quả xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-PGDĐT ngày 14/03/2025 của Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà về việc phê duyệt kết quả xét chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường Mầm non Huổi Lèng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết định phê duyệt kết quả xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 và Quyết định phê duyệt kết quả xét chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, 5 tháng đầu năm 2025.

(Có Quyết định và danh sách học sinh kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán trường Mầm non Huổi Lèng và các bộ phận chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Phòng GD&ĐT; - Lưu :VT, KT	**HIỆU TRƯỞNG** UỶ BAN NHÂN DÂN H. MƯỜNG CHÀ T. ĐIỆN BIÊN TRƯỜNG MẦM NON HUỔI LÈNG **Vũ Thị Hà**

UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40 /QĐ-PGDĐT	*Mường Chà, ngày14 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả xét chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024 - 2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên quy định mức học phí từ năm học 2023-2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh;

Xét tờ trình đề nghị phê duyệt chế độ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, 5 tháng đầu năm 2025 thuộc năm học 2024 – 2025 của các đơn vị trường học thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ biên bản thẩm định hồ sơ xét duyệt chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; xét duyệt học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 thuộc năm học 2024-2025 của Hội đồng xét duyệt phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét chế độ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ, học sinh 5 tháng đầu năm 2025, thuộc năm học 2024-2025 của 41 đơn vị trường, cụ thể như sau:

1. Số trẻ, học sinh, số tiền hỗ trợ được xét duyệt:

- Hỗ trợ chi phí học tập 15.850 trẻ, học sinh trong đó: Cấp mầm non 4.145 trẻ, cấp tiểu học 7.135 học sinh, cấp THCS 4.570 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 11.887.500.000 đồng *(Mười một tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*.

- Miễn học phí 6.928 trẻ, học sinh trong đó: Cấp mầm non 2.352 trẻ, cấp THCS 4.576 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 522.800.000 đồng *(Năm trăm hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng)*.

- Giảm 70% học phí 1.779 trẻ, học sinh trong đó: Cấp mầm non 1.778 trẻ, cấp THCS 1 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 156.082.500 đồng *(Một trăm năm mươi sáu triệu không trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng)*.

- Giảm 50% học phí 2 trẻ, học sinh trong đó: Cấp mầm non 2 trẻ, tổng số tiền hỗ trợ 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

(Có bảng tổng hợp và danh sách học sinh kèm theo)

2. Thời gian được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: 5 tháng đầu năm 2025, thuộc năm học 2024-2025.

3. Học sinh được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đóng học phí theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Các Hội đồng xét duyệt chế độ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ, học sinh có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai kết quả thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các bộ phận chuyên môn Mầm non, Tiểu học, THCS, Kế toán, Tổ chức phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các đơn vị trường có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
H.MƯỜNG CHÀ T.ĐIỆN BIÊN

Trần Hồng Quân

DANH SÁCH
TRƯỜNG, SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025, NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số: 40 /QĐ-PGDĐT ngày14 /3/2024 của Phòng GD&ĐT)

TT	Trường	Số lượng HS				Ghi chú
		Hỗ trợ chi phí học tập	Miễn, giảm, cấp bù học phí			
			100%	70%	50%	
1	Trường MN số 1 Mường Mươn	200	128	72		
2	Trường MN số 2 Mường Mươn	155	104	51		
3	Trường MN số 1 Na Sang	242	145	96		
4	Trường MN số 2 Na Sang	174	111	59		
5	Trường MN Thị Trấn Mường Chà	127	65	54	2	
6	Trường MN Ma Thì Hồ	486	151	333		
7	Trường MN Sa Lông	303	213	90		
8	Trường MN Huổi Lèng	283	170	113		
9	Trường MN Hừa Ngài	320	211	109		
10	Trường MN Mường Tùng	456	291	165		
11	Trường MN số 1 Sá Tổng	246	138	108		
12	Trường MN số 2 Sá Tổng	332	99	233		
13	Trường MN Mường Anh	231	138	93		
14	Trường MN Nậm Nèn	183	114	69		
15	Trường MN Huổi Mí	407	274	133		
16	Trường TH số 1 Mường Mươn	389				
17	Trường PTDTBT TH số 2 Mường Mươn	301				
18	Trường PTDTBT TH số 1 Na Sang	465				
19	Trường PTDTBT TH số 2 Na Sang	340				
20	Trường TH Thị trấn Mường Chà	284				
21	Trường PTDTBT TH Ma Thì Hồ	742				
22	Trường PTDTBT TH Sa Lông	491				
23	Trường PTDTBT TH Huổi Lèng	446				
24	Trường PTDTBT TH Hừa Ngài	599				

25	Trường PTDTBT TH Nậm He	593				
26	Trường PTDTBTTH số 2 Sá Tổng	535				
27	Trường PTDTBTTH Mường Anh	437				
28	Trường PTDTBTTH Nậm Nèn	367				
29	Trường PTDTBTTH Huổi Mí	540				
30	Trường PTDTBT THCS Mường Mươn	489	489			
31	Trường PTDTBT THCS Na Sang	501	502			
32	Trường THCS Thị trấn Mường Chà	239	244			
33	Trường PTDTBT THCS Ma Thì Hồ	483	483			
34	Trường PTDTBT THCS Sa Lông	328	328			
35	Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng	328	328			
36	Trường PTDTBT THCS Hừa Ngài	397	397			
37	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Tùng	589	455			CPHT cấp TH: 143 CPHT cấp THCS: 455
38	Trường PTDTBT TH&THCS Sá Tổng	974	502			CPHT cấp TH: 472 CPHT cấp THCS: 502
39	Trường THCS Mường Anh	257	257			
40	Trường THCS Nậm Nèn	242	242	1		
41	Trường PTDTBT THCS Huổi Mí	349	349			
Tổng cộng		**15.850**	**6.928**	**1.779**	**2**	

DANH SÁCH
HỌC SINH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025, NĂM HỌC 2024 - 2025
Trường: Mầm non Huổi Lèng
(Kèm theo Quyết định số: 40/QĐ-PGDĐT ngày 14/3/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Thị trấn	Huyện	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=5*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	
1	Hồ Thị Lan Chi	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Sinh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
2	Giàng Minh Trí	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Giờ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
3	Giàng Trường Sơn	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Gàng A Trỉnh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
4	Giàng A Dính	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Sua	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
5	Giàng Quỳnh Hoa	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Thào	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
6	Hồ Văn Toàn	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Giàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
7	Hồ Đức Tiến	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Tuấn	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
8	Giàng Thị Hương	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Thu	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
9	Giàng Trấn Huy	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tháng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
10	Kháng A Tàng	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Chu	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
11	Hồ Duy Mạnh	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Giàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
12	Giàng A Duy	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Vang	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
13	Mùa A Đạt	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Lử	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
14	Kháng Duy Minh	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Di	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
15	Giàng Duy Tiến	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Công	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
16	Chớ Thị Thùy Vân	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Chớ A Châu	Sa Lông II	Sa Lông	Mường Chà	
17	Thào Truyền Đạt	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Chua	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
18	Hồ Quang Khải	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Giàng	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
19	Hồ Anh Tuấn	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ Thị Vàng	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
20	Giàng Thiên Việt	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Trung	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
21	Giàng Ngọc Khang	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Cháng	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
22	Thào Bông Lan	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Cháng	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
23	Thào Duy Bảo	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Dự	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
24	Kháng Thành Nam	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Du	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
25	Vàng Thị Diễm Thảo	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Tuấn Oanh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
26	Giàng Thiên Tôn	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Khắm	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	

27	Hạng Thị Hương	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Của	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
28	Hạng A Tùng	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Tằng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
29	Giàng Tuấn Phong	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Vừ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
30	Hạng Thị Cá	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Phồng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
31	Giàng Quốc An	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa Thị Dung	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
32	Giàng A Chính	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Thào	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
33	Vũ Thị Thảo Hương	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lê Thùy Dung	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
34	Vừ Thị Ngọc Hương	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Cáng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
35	Mùa T. Thiên Tuệ	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Thành	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
36	Mùa Linh Chi	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Dia	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
37	Mùa Gia Bảo	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa Văn Thanh	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
38	Mùa Thị I Đua	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Giàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
39	Giàng Thị Ngọc	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Hồ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
40	Mùa Đức Tài	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Nếnh	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
41	Thào Thị Phương	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Dờ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
42	Thào A Páo	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Dia	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
43	Hạng T Phương Thu	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Phú	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
44	Giàng Thị Mỹ Tâm	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
45	Vừ Quân Trường	MG Lớn	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Sớ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
46	Lò Phương Linh	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Pa Khón	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
47	Thàn Hòa Minh	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thàn Seo Tân	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
48	Lò Seo Hoàn	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Seo Lũ	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
49	Sần Triệu Phúc	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sần Thàn Phiền	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
50	Sần Ngọc Vy	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sần Seo Hòa	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
51	Si Văn Dương	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Si Seo Lù	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
52	Vừ T. Lê Vi	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Vừ A Trung	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
53	Sùng Thị Phương	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Xai	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
54	Sùng Thị Mai	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Giàng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
55	Vừ Xuân Nghĩa	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Khoa	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
56	Sùng Tiến Mạnh	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Bình	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
57	Sùng Thu Hương	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Phình	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
58	Sùng Hảo Nhi	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chứ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
59	Sùng Hùng Tiên	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Vư	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
60	Sùng A Tâm	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Giống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
61	Ly A Dơ	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Ly A Phà	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
62	Sùng A Quyền	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
63	Sùng Ngọc Lương	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Sình	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
64	Sùng Xuân Trường	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chúng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
65	Sùng Tuấn Anh	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tinh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	

66	Sùng Cao Bằng	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Chứ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
67	Sùng Tiến Bi	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Dũng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
68	Giàng T. Diệu Linh	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Thắng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
69	Vừ A Quý	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Vừ A Giống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
70	Sùng Thị Tuệ Nhi	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Minh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
71	Sùng Hiếu Quân	MG Lớn	Con Hộ Nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Tá	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
72	Sùng Tiến Đạt	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Ly	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
73	Sùng Thị Chi	MG Lớn	Con Hộ Nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Lếnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
74	Sùng Thị Cống	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chu	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
75	Giàng A Dương	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Dế	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
76	Sùng Thị Si	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Nhanh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
77	Sùng Thị Hoa	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chìa	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
78	Sùng Viến Như	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Tú	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
79	Cứ Thị Bình An	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Cứ A Phong	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
80	Hồ Quang Niệm	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Hồ A Tàng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
81	Cứ A Duy	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ A Dính	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
82	Sùng Sơ Quỹ	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Sáng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
83	Hồ Việt Đức	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Tủa	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
84	Sùng Thị Như Quỳnh	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Giàng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
85	Sùng Thị Ông	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Hồ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
86	Cứ Thị Sinh	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Cứ A Thớ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
87	Cháng Tiểu Quỳnh Hương	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng A Lữ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
88	Cháng A Lan	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Cháng A Lồng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
89	Hồ A Mông	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Hồ A Sàng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
90	Hồ A Sơ	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Hồ A Dế	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
91	Sùng Thị Khùa	MG Lớn	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Thanh	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
92	Sùng T May Phương	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tùng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
93	Sùng Thị Hiền	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Sán	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
94	Cháng Kiều Phong	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng A Tú	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
95	Hồ Mùa Chính	MG Lớn	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Ngai	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
96	Giàng Tân Đức	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Phình	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
97	Giàng Dương Tiếng	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Làng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
98	Mùa Vân Anh	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Linh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
99	Giàng Quang Hải	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Khua	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
100	Giàng Đức Thắng	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Thi	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
101	Giàng A Mông	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Của	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
102	Kháng A Đạt	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Giàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
103	Giàng A Đô	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Khoa	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
104	Giàng Thị Hà Linh	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Trinh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	

105	Giàng T Huyền Trang	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Kinh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
106	Giàng T Thu Phượng	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Duyên	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
107	Giàng Thuỳ Linh	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Giờ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
108	Giàng Dung Mỳ	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Vàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
109	Giàng A Khải	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Trang	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
110	Giàng A Long	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Mỳ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
111	Giàng Thị Hoa	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Lâu	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
112	Kháng Ngọc Kim	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Súc	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
113	Cháng An Nhiên	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng A Dế	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
114	Giàng Ngọc Lam	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Thắng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
115	Giàng Thị Vi	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chù	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
116	Giàng A Nam	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tinh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
117	Kháng T Bông Sáng	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Chứ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
118	Giàng Thị Bầu	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dũng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
119	Giàng Như Ngọc	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
120	Giàng Minh Hoàng	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Páo	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
121	Mùa Đăng Nguyên	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Cầu	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
122	Thào Thị Đan	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Văn	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
123	Thào Đông Hải	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Sùng	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
124	Kháng A Tao	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Công	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
125	Kháng Thị Vánh	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Công	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
126	Kháng Thị Nhi	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Hồ	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
127	Thào Hồng Giang	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Minh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
128	Thào Thanh Thủy	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Lam	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
129	Thào Diệu Linh	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Vinh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
130	Thào Minh Tân	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Thông	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
131	Hồ Chính Đại	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Trung	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
132	Hạng Thương May	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Ba	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
133	Hạng Thị Duy	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Tằng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
134	Giàng A Trường	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
135	Kháng Thị Thủy	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng Thị Lù	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
136	Giàng Minh Hiếu	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Vàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
137	Giàng Thị Anh Thư	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Xế	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
138	Hạng Huyền Trang	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Dế	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
139	Hạng Thanh Sơn	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Của	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
140	Hạng A Kiều	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	MùaThị Chứ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
141	Giàng Thị Yên Đan	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Khắm	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
142	Giàng Thế Duy	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tráng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
143	Sùng Gia Gia Nhi	MG nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Đại	Na Pheo	Na Sang	Mường Chà	

144	Hạng Mai Tuyết	MG nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Vàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
145	Giàng Đại Dương	MG nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Hồ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
146	Giàng Tuấn Anh	MG nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chứ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
147	Giàng Quang Trung	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dinh	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
148	Thào Thị Kim Liên	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Phi	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
149	Vừ Hải Cường	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Khánh	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
150	Giàng Thị Phương	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Dính	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
151	Hạng Thị Mai Vân	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Tráng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
152	Hồ Ngọc Phương	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Sớ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
153	Hạng Thị Ánh	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Dung	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
154	Hạng Quang Hùng	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Nính	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
155	Si Ánh Tuyết	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Si Seo Vu	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
156	Si Thiên Bảo	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Si Tè Sáng	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
157	Sần Ngải Linh	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sần Lao Tân	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
158	Sần Minh Dũng	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sần Den Phìn	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
159	Thàn Tinh Hoa	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thàn Seo Chúng	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
160	Si Thiên Minh	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Si Tề Lẻng	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
161	Si Huyện Tiết	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Si Seo Phình	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
162	Sùng Thị Hoa	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Phứ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
163	Vừ A Hưng	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Vừ A Trung	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
164	Sùng Thị Bích Phương	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Trừ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
165	Lừu Chấn Phong	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Lừu A Chính	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
166	Sùng Ngọc Trân	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Xai	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
167	Vừ A Lực	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Vừ A Minh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
168	Vừ Vĩnh Phúc	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Khoa	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
169	Sùng Kiều Thư	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Phòng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
170	Sùng A Nhiên	MG Nhỡ	Con Hộ Nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Lù	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
171	Vừ Mạnh Hùng	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Lềnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
172	Vừ Hương Hoa	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Ráy	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
173	Vừ Thị Trăng	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Bình	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
174	Vừ Minh Khôi	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Lồng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
175	Sùng Thị Khua	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chỉnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
176	Sùng Trung Đức	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
177	Sùng A Viên	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Da	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
178	Sùng Duy Mạnh	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Ly	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
179	Sùng Thị A	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Sình	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
180	Sùng Thị Mai	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tính	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
181	Cháng Thị Nguyễn	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng A Chìa	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
182	Sùng Anh Tuấn	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Nếnh	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	

183	Sùng Minh Hiếu	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Sử	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
184	Sùng Hải Long	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chung	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
185	Giàng A Minh	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Lử	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
186	Hồ Minh Phong	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Dính	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
187	Hồ Quỳnh Lưu	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Tàng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
188	Sùng Đại Lý	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chìa	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
189	Sùng Ngọc Phương	MG Nhỡ	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Thào	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
190	Sùng Khối Sị	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Dợ	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
191	Sùng Nu Tri	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Dợ	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
192	Hồ Thị Thương	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Hồ A Ư	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
193	Sùng Minh Khang	MG Nhỡ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Mang	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
194	Giàng Bảo Anh	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dờ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
195	Kháng Ngọc Linh	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Hồ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
196	Giàng Thiên Thư	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Khoa	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
197	Giàng Thị Cát	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Phòng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
198	Giàng Thị Tường	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Phòng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
199	Giàng Liên Phương	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Nính	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
200	Giàng Minh Phúc	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Công	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
201	Hồ Mỹ Linh	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Giàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
202	Giàng Bảo Quân	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Minh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
203	Giàng Thúy Kiều	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Khua	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
204	Kháng Như Thảo	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Kháng A Chứ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
205	Giàng Thị Đào Uyên	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dính	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
206	Giàng Phương Thảo	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dũng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
207	Giàng Duy Khánh	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Vàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
208	Giàng Phong Hải	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Vàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
209	Chớ Thị Kiều Vy	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Chớ A Chầu	Sa Lông II	Sa Lông	Mường Chà	
210	Vừ Khánh Vy	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Của	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
211	Vàng Thị Diễm Thư	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Tuấn Oanh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
212	Giàng Thị Thu Hà	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Trung	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
213	Hồ Trí Thượng	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Chỉnh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
214	Thào Phương Hiền	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Minh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
215	Chớ Thị Hoa	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Chớ A Giống	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
216	Giàng A Nú	MG bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Sáy Giàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
217	Hạng Ngọc Sa	MG bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Tàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
218	Hồ Đình Hiếu	MG bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ Thị Ganh	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
219	Mùa Trí Cường	MG bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Thành	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
220	Mùa Thị Mai	MG bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Páo	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
221	Thào Minh Tuấn	MG bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Giống	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	

222	Giàng Bình An	MG bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Thi	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
223	Hạng Bảo Long	MG bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Vàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
224	Lò Trần Minh	MG Bé	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Chở Phìn	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
225	Lìu Ngọc Như	MG Bé	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lìu Hảy Lình	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
226	Lò Hồng Minh	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Seo Lũ	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
227	Sần Văn Phúc	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sần Thàn Phiền	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
228	Sần Hồng Quân	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sần Phu Sẻng	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
229	Sì Thiên Ngọc	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sì Tè Sáng	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
230	Sần Mai Linh	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sần Tỷ Phìn	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
231	Ly Thị De	MG Bé	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Ly A Phà	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
232	Vừ Thị Nhi	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Khoa	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
233	Sùng Ngọc Phi	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Bình	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
234	Sùng Minh Khương	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chỉnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
235	Sùng Thị Dùa	MG Bé	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Páo	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
236	Sùng A Công	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Xá	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
237	Sùng Phương Liên	MG Bé	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Giống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
238	Sùng A Toàn	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Ma	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
239	Sùng Thị Xuân	MG Bé	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Dờ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
240	Sùng Thị Tuyết	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
241	Sùng A Cá	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tinh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
242	Hờ Vĩnh Tường	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Vừ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
243	Thào A Tùng	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Giàng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
244	Sùng Nghi Xuân	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chứ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
245	Vừ Tâm An	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Phong	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
246	Vừ Bảo Khánh	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Khoa	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
247	Sùng Thị Nhung	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Giống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
248	Vừ A Nguyên	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Phong	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
249	Vừ Tuyết Nhung	MG Bé	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Vừ A Sử	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
250	Vừ Thị Trang	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Dũng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
251	Vừ A Sáu	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Hồ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
252	Vừ A Nính	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Pò	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
253	Sùng A Tuấn	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Dơ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
254	Sùng Thị Dương	MG Bé	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Minh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
255	Vừ Bảo Huy	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Sinh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
256	Vừ A Nam	MG Bé	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Vừ A Mạnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
257	Vừ Mĩ Thương	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Pò	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
258	Sùng Thị Mộc Trà	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
259	Sùng Thị Dợ	MG Bé	Con Hộ Nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Lếnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
260	Sùng Bình An	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Lâu	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	

261	Sùng Ca Dánh	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tàng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
262	Cháng Thị Huyền	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng A Tùng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
263	Hồ Qúy Thương	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Cháng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
264	Sùng Gia Huy	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Sinh	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
265	Sùng Văn Chương	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Linh	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
266	Thào Thị Hoa	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Cháng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
267	Sùng A Chớ	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Lòng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
268	Sùng Vĩ Đại	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tú	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
269	Sùng Xuân Phú	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tàng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
270	Sùng Minh Sơn	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Hạnh	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
271	Cứ T Thùy Trang	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ A Thư	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
272	Cháng Mai Thảo	MG Bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng A Lữ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
273	Cháng A Suê	MG Bé	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng Chứ Giàng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
274	Chớ Thị Đua	MG Bé	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Sá	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
275	Cháng Thị Thu	MG Bé	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Cháng A Lồng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
276	Cháng Thị Phương	MG Bé	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng Thị Dụa	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
277	Sùng Thiên Long	MG Bé	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tùng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
278	Hồ Minh Thiên	MG Bé	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Châu	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
279	Sùng Hy Vọng	MG Bé	Con hộ nghèo	150.000	5	750.000	Sùng A Nàng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
280	Ly Thị Hoa	MG Bé	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Ly Thị Vừ	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
281	Ly A Sơn	MG Bé	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Ly Thị Dùa	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
282	Ly A Du	MG Bé	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Dùa	Nậm Cang	Mường Tùng	Mường Chà	
283	Sùng Tiến Đạt	MG bé	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Cơ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
Tổng:						**212.250.000**					
Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng.											
Tổng số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập: 283 học sinh./.											

DANH SÁCH
HỌC SINH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT MIỄN VÀ CẤP BÙ HỌC PHÍ
5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025, NĂM HỌC 2024 - 2025
Trường: Mầm non Huổi Lèng
(Kèm theo Quyết định số: 40/QĐ-PGDĐT ngày 14/3/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức học phí được miễn/ tháng	Mức học phí được cấp bù /tháng	Số tháng được cấp bù	Tổng số tiền cấp bù	Họ và tên cha (mẹ) hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
									Bản	Xã/Thị trấn	Huyện	
1	2	3	4		5	6	7=5*6	8	9	10	11	12
1	Hồ Thị Lan Chi	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Sinh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
2	Giàng Minh Trí	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Giờ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
3	Giàng Trường Sơn	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Gàng A Trỉnh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
4	Giàng A Dính	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng Thị Sua	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
5	Giàng Quỳnh Hoa	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Thào	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
6	Hồ Văn Toàn	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Giàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
7	Hồ Đức Tiến	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Tuấn	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
8	Giàng Thị Hương	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Thu	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
9	Giàng Trấn Huy	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Tháng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
10	Kháng A Tàng	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Kháng A Chu	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
11	Hồ Duy Mạnh	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Giàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
12	Giàng A Duy	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Vang	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
13	Mùa A Đạt	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Mùa A Lử	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
14	Kháng Duy Minh	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Kháng A Di	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
15	Giàng Duy Tiến	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Công	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
16	Chớ Thị Thùy Vân	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Chớ A Chầu	Sa Lông II	Sa Lông	Mường Chà	
17	Giàng Tân Đức	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Phình	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
18	Giàng A Mông	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Của	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
19	Kháng A Đạt	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Kháng A Giàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
20	Giàng A Long	MG nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng Thị Mỷ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
21	Giàng Thị Hoa	MG nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng a Lâu	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
22	Kháng Ngọc Kim	MG nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Kháng A Súc	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
23	Giàng A Nam	MG nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Tinh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
24	Kháng ngọc linh	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Kháng A Hồ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
25	Giàng Thị Cát	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A PHÒNG	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
26	Giàng Thị Tường	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A PHÒNG	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
27	Giàng Liên Phương	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Nính	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
28	Giàng Thị Đào Uyên	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Dính	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
29	Giàng Duy Khánh	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Vàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	

30	Thào Truyền Đạt	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Thào A Chua	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
31	Hồ Quang Khải	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Giàng	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
32	Hồ Anh Tuấn	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ Thị Vàng	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
33	Giàng Thiên Việt	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Trung	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
34	Giàng Ngọc Khang	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Cháng	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
35	Thào Bông Lan	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Thào A Cháng	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
36	Thào Duy Bảo	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Thào A Dự	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
37	Kháng Thành Nam	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Kháng A Du	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
38	Vàng Thị Diễm Thảo	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vàng Tuấn Oanh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
39	Giàng Minh Hoàng	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Páo	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
40	Mùa Đăng Nguyên	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Mùa A Cầu	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
41	Thào Đông Hải	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Thào A Sùng	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
42	Kháng A Tao	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Kháng A Công	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
43	Kháng Thị Vánh	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Kháng A Công	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
44	Kháng Thị Nhi	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Kháng A Hồ	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
45	Vàng Thị Diễm Thư	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vàng Tuấn Oanh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
46	Giàng Thị Thu Hà	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Trung	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
47	Hồ Trí Thượng	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Chinh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
48	Giàng Thiên Tôn	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Khắm	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
49	Hạng Thị Hương	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Hạng A Của	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
50	Hạng A Tùng	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hạng A Tằng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
51	Giàng Tuấn Phong	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Vừ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
52	Hạng Thị Cá	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hạng A Phồng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
53	Giàng Quốc An	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Mùa Thị Dung	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
54	Giàng A Chính	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Thào	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
55	Vũ T. Thảo Hương	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Lê Thùy Dung	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
56	Vừ Thị Ngọc Hương	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vừ A Cáng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
57	Hạng Thương May	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hạng A Ba	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
58	Hạng Thị Duy	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hạng A Tằng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
59	Giàng A Trường	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Tàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
60	Kháng Thị Thủy	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Kháng A Lử	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
61	Chớ Thị Hoa	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Chớ A Giống	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
62	Mùa T. Thiên Tuệ	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Mùa A Thành	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
63	Mùa Linh Chi	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Mùa A Dia	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
64	Mùa Gia Bảo	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Mùa Văn Thanh	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
65	Mùa Thị I Đua	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Mùa A Giàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
66	Giàng Thị Ngọc	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Hồ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
67	Mùa Đức Tài	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Mùa A Nếnh	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
68	Thào Thị Phương	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Thào A Dờ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
69	Thào A Páo	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Thào A Dia	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
70	Hạng T Phương Thu	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Hạng A Phú	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	

71	Giàng Thị Mỹ Tâm	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Tàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
72	Vừ Quân Trường	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vừ A Sớ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
73	Giàng Đại Dương	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Hồ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
74	Giàng Tuấn Anh	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Chứ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
75	Giàng Quang Trung	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Dinh	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
76	Hồ Ngọc Phương	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Khánh	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
77	Hạng Thị Ánh	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hạng A Dính	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
78	Hạng Quang Hùng	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hạng A Tráng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
79	Vừ Hải Cường	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vừ A Sớ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
80	Giàng Thị Phương	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng Thị Dung	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
81	Hạng Thị Mai Vân	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hạng A Nính	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
82	Mùa Thị Mai	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Mùa A Páo	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
83	Giàng Bình An	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Thi	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
84	Lò Phương Linh	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Lò Pa Khón	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
85	Thàn Hòa Minh	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Thàn Seo Tân	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
86	Lò Seo Hoàn	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Lò Seo Lũ	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
87	Sần Triệu Phúc	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sần Thàn Phiền	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
88	Sần Ngọc Vy	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sần Seo Hòa	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
89	Si Văn Dương	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Si Seo Lù	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
90	Si Ánh Tuyết	MG nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Si Seo Vu	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
91	Lò Trần Minh	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Lò Chở Phìn	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
92	Lìu Ngọc Như	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Lìu Hải Lình	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
93	Sần Văn Phúc	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sần Thàn Phiền	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
94	Lò Hồng Minh	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Lò Seo Lũ	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
95	Sần Hồng Quân	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sần Phu Sẻng	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
96	Vừ Thị Lê Vi	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vừ A Trung	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
97	Sùng Thị Phương	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Xai	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
98	Sùng Thị Mai	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Giàng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
99	Vừ Xuân Nghĩa	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Vừ A Khoa	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
100	Sùng Tiến Mạnh	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Bình	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
101	Sùng Thu Hương	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Phình	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
102	Sùng Hảo Nhi	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Chứ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
103	Sùng Hùng Tiên	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Vư	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
104	Sùng A Tâm	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Giống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
105	Ly A Dơ	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Ly A Phà	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
106	Sùng A Quyền	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Tổng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
107	Sùng Ngọc Lương	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Sình	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
108	Sùng Xuân Trường	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Chúng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
109	Sùng Tuấn Anh	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Tinh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
110	Sùng Cao Bằng	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Chứ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
111	Sùng Tiến Bi	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Dũng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	

112	Giàng T. Diệu Linh	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Thắng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
113	Vừ A Hưng	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vừ A Trung	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
114	Sùng Ngọc Trân	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Xai	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
115	Vừ A Lực	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vừ A Minh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
116	Lừu Chấn Phong	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Lừu A Chính	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
117	Sùng Kiều Thư	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Phòng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
118	Sùng A Nhiên	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Lù	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
119	Ly Thị De	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Ly A Phà	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
120	Sùng Thị Dùa	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Páo	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
121	Sùng Phương Liên	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Giống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
122	Sùng Thị Xuân	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Dờ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
123	Vừ A Quý	MG lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vừ A Giống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
124	Sùng Thị Tuệ Nhi	MG lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Minh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
125	Vừ Tuyết Nhung	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vừ A Sử	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
126	Sùng Thị Dương	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Minh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
127	Vừ A Nam	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Vừ A Mạnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
128	Sùng Thị Dợ	MG bé	Con Hộ Nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Lếnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
129	Sùng Hiếu Quân	MG lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Tá	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
130	Sùng Tiến Đạt	MG lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Ly	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
131	Sùng Thị Chi	MG lớn	Con Hộ Nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Lếnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
132	Sùng Thị Cống	MG lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Chu	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
133	Giàng A Dương	MG lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Lếnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
134	Sùng Thị Si	MG lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng Thị Nhanh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
135	Sùng Thị Hoa	MG lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Chìa	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
136	Sùng Viến Như	MG lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Tú	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
137	Cứ Thị Bình An	MG lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Cứ A Phong	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
138	Hồ Quang Niệm	MG lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Tàng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
139	Cứ A Duy	MG lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Cứ A Dính	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
140	Sùng Sơ Quỹ	MG lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Sáng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
141	Hồ Việt Đức	MG lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Tủa	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
142	Sùng T Như Quỳnh	MG lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Giàng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
143	Sùng Thị Ổng	MG lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Hồ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
144	Cứ Thị Sinh	MG lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Cứ A Thớ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
145	Cháng Tiểu Quỳnh Hương	MG lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Cháng A Lữ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
146	Sùng Thị A	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Sình	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
147	Cháng Thị Nguyễn	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Cháng A Chìa	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
148	Sùng Hải Long	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Chung	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
149	Giàng A Minh	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Giàng A Lử	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
150	Hồ Minh Phong	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Dính	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
151	Hồ Quỳnh Lưu	MG nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Tàng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
152	Sùng Ngọc Phương	MG nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Thào	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	

153	Sùng Bình An	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Lâu	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
154	Sùng Vĩ Đại	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Tú	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
155	Sùng Xuân Phú	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Tàng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
156	Cháng Thị Huyền	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Cháng A Tùng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
157	Sùng Văn Chương	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Linh	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
158	Sùng A Chớ	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Lòng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
159	Cứ T Thùy Trang	MG bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Cứ A Thư	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
160	Cháng A Lan	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Cháng A Lồng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
161	Hồ A Mông	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Sàng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
162	Hồ A Sơ	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Dế	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
163	Sùng Thị Khùa	MG Lớn	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Thanh	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
164	Sùng T May Phương	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Tùng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
165	Sùng Thị Hiền	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Sán	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
166	Cháng Kiều Phong	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Cháng A Tú	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
167	Hồ Mùa Chính	MG Lớn	Xã khu vực III	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Ngai	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
168	Hồ Thị Thương	MG Nhỡ	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Hồ A Ư	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
169	Cháng Thị Thu	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Cháng A Lồng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
170	Sùng Hy Vọng	MG Bé	Con hộ nghèo	25.000	25.000	5	125.000	Sùng A Nàng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
Tổng cộng							**21.250.000**					
Số tiền bằng chữ: Hai mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng.												
Tổng số học sinh được miễn và cấp bù học phí : 170 học sinh./.												

DANH SÁCH
HỌC SINH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT GIẢM 70% VÀ CẤP BÙ HỌC PHÍ
5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025, NĂM HỌC 2024 - 2025
Trường: Mầm non Huổi Lèng
(Kèm theo Quyết định số: 40/QĐ-PGDĐT ngày 14/3/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức học phí được miễn/ tháng	Mức học phí được cấp bù /tháng	Số tháng được cấp bù	Tổng số tiền cấp bù	Họ và tên cha (mẹ) hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
									Bản	Xã/Thị trấn	Huyện	
1	2	3	4			6	7=5*6	8	9	10	11	12
1	Giàng Dương Tiếng	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Làng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
2	Mùa Vân Anh	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Mùa A Linh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
3	Giàng Quang Hải	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Khua	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
4	Giàng Đức Thắng	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Thi	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
5	Giàng A Đô	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Khoa	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
6	Giàng Thị Hà Linh	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Trinh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
7	Giàng T Huyền Trang	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Kinh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
8	Giàng T Thu Phượng	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Duyên	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
9	Giàng Thuỳ Linh	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Giờ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
10	Giàng Dung Mỷ	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Vàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
11	Giàng A Khải	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Trang	Huổi Toóng 1	Mường Chà	Mường Chà	
12	Cháng An Nhiên	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Cháng A Dế	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
13	Giàng Ngọc Lam	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Thắng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
14	Giàng Thị Vi	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Chù	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
15	Kháng T Bông Sáng	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Kháng A Chứ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
16	Giàng Thị Bầu	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Dũng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
17	Giàng Như Ngọc	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Tàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
18	Giàng Bảo Anh	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Dờ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
19	Giàng Thiên Thư	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Khoa	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
20	Giàng Minh Phúc	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Công	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
21	Hồ Mỹ Linh	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Hồ A Giàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
22	Giàng Bảo Quân	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Minh	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
23	Giàng Thúy Kiều	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Khua	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
24	Kháng Như Thảo	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Kháng A Chứ	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
25	Giàng Phương Thảo	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Dũng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	
26	Giàng Phong Hải	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Vàng	Huổi Toóng 1	Huổi Lèng	Mường Chà	

27	Chớ Thị Kiều Vy	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Chớ A Chầu	Sa Lông II	Sa lông	Mường Chà	
28	Thào Thị Đan	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Thào A Văn	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
29	Thào Hồng Giang	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Thào A Minh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
30	Thào Diệu Linh	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Thào A Vinh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
31	Thào Thanh Thủy	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Thào A Lam	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
32	Thào Minh Tân	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Thào A Thông	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
33	Vừ Khánh Vy	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Của	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
34	Thào Phương Hiền	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Thào A Minh	Huổi Toóng 2	Huổi Lèng	Mường Chà	
35	Giàng Minh Hiếu	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Vàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
36	Giàng Thị Anh Thư	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng Thị Xế	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
37	Hạng Huyền Trang	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng Thị Cùng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
38	Hạng Thanh Sơn	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Hạng A Của	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
39	Hạng A Kiều	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	MùaThị Chứ	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
40	Giàng Thị Yên Đan	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Khắm	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
41	Giàng Thế Duy	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Tráng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
42	Hồ Chính Đại	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Hồ A Trung	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
43	Giàng A Nú	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng Sáy Giàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
44	Hạng Ngọc Sa	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Hạng A Tàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
45	Hồ Đình Hiếu	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Hồ Thị Ganh	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
46	Thào Thị Kim Liên	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Thào A Phi	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
47	Hạng Mai Tuyết	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Hạng A Vàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
48	Sùng Gia Gia Nhi	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Đại	Na Pheo	Na Sang	Mường Chà	
49	Mùa Trí Cường	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Mùa A Thành	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
50	Thào Minh Tuấn	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Thào A Giống	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
51	Hạng Bảo Long	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Hạng A Vàng	Trung Dình	Huổi Lèng	Mường Chà	
52	Si Thiên Bảo	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Si Tèng Sáng	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
53	Sần Ngải Linh	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sần Seo Tân	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
54	Sần Minh Dũng	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sần Den Phìn	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
55	Thàn Tinh Hoa	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Thàn Seo Chúng	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
56	Si Thiên Minh	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Si Tề Lẻng	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
57	Si Huyện Tiết	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Si Seo Phình	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
58	Si Thiên Ngọc	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Si Tèng Sáng	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
59	Sần Mai Linh	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sần Tỷ Phìn	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà	
60	Sùng Thị Hoa	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Phứ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
61	Sùng T Bích Phương	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Trừ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
62	Vừ Vĩnh Phúc	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Khoa	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
63	Vừ Mạnh Hùng	MG nhớ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Lềnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
64	Vừ Thị Nhi	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Khoa	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
65	Sùng Minh Khương	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Chỉnh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	

66	Sùng A Công	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Xá	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
67	Sùng A Cá	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Tinh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
68	Hờ Vĩnh Tường	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Vừ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
69	Thào A Tùng	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Giàng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
70	Sùng Nghi Xuân	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Chứ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
71	Vừ Tâm An	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Phong	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
72	Vừ Bảo Khánh	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Khoa	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
73	Sùng Ngọc Phi	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Bình	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
74	Sùng Thị Tuyết	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Tống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
75	Sùng A Toàn	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Ma	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
76	Sùng Thị Nhung	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Giống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
77	Vừ Hương Hoa	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng Thị Ráy	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
78	Vừ Thị Trăng	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Bình	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
79	Vừ Minh Khôi	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Lồng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
80	Vừ A Nguyên	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Phong	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
81	Vừ Thị Trang	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Dũng	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
82	Vừ A Sáu	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Hồ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
83	Vừ A Nính	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Pò	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
84	Sùng A Tuấn	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Dơ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
85	Vừ Bảo Huy	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Sinh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
86	Vừ Mĩ Thương	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Vừ A Pò	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
87	Sùng Thị Mộc Trà	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Tống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
88	Sùng Thị Khua	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Chinh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
89	Sùng Trung Đức	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Tống	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
90	Sùng A Viên	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Da	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
91	Sùng Duy Mạnh	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Ly	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà	
92	Sùng Đại Lý	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Chìa	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
93	Sùng Thị Mai	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Tính	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
94	Sùng Anh Tuấn	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Nếnh	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
95	Sùng Minh Hiếu	MG nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Sử	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
96	Sùng Ca Dánh	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Tàng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
97	Hồ Qúy Thương	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Hồ A Cháng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
98	Sùng Gia Huy	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Sinh	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
99	Thào Thị Hoa	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng A Cháng	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
100	Sùng Minh Sơn	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Hạnh	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
101	Sùng Tiến Đạt	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Cơ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
102	Cháng Mai Thảo	MG bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Cháng A Lữ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà	
103	Sùng Khối Sị	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng Thị Dợ	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
104	Sùng Nu Tri	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng Thị Dợ	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	

105	Sùng Minh Khang	MG Nhỡ	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Mang	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
106	Cháng A Suê	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Cháng Chứ Giàng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
107	Chớ Thị Đua	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng Thị Sá	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
108	Cháng Thị Phương	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Cháng Thị Dụa	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
109	Sùng Thiên Long	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Sùng A Tùng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
110	Hồ Minh Thiên	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Hồ A Châu	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
111	Ly Thị Hoa	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Ly Thị Vừ	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
112	Ly A Sơn	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Ly Thị Dùa	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà	
113	Ly A Du	MG Bé	Xã khu vực III	17.500	17.500	5	87.500	Giàng Thị Dùa	Nậm Cang	Mường Tùng	Mường Chà	
Tổng cộng							**9.887.500**					
Số tiền bằng chữ: Chín triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng.												
Tổng số học sinh được giảm 70% và cấp bù học phí : 113 học sinh./.												

UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37 /QĐ-PGDĐT	*Mường Chà, ngày 11 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số: 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội về quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Xét tờ trình đề nghị phê duyệt chế độ chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 của các đơn vị trường học trong huyện;

Căn cứ biên bản thẩm định hồ sơ xét duyệt chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; xét duyệt học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 thuộc năm học 2024-2025 của Hội đồng xét duyệt phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 của 32 trường với 123 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 1.146.600.000 đồng *(Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).*

(Có bảng tổng hợp và danh sách học sinh kèm theo)

1. Thời gian được hưởng học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập: 05 tháng đầu năm 2025, thuộc năm học 2024-2025;

2. Học sinh khuyết tật được hưởng mức học bổng và mức hỗ trợ phương tiện đồ dùng học tập theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội.

Điều 2. Các Hội đồng xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai kết quả thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các bộ phận chuyên môn Mầm non, Tiểu học, THCS, Kế toán, Tổ chức, Hiệu trưởng các trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT, KT, CMMN, CMTH, CMTHCS.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
H. MƯỜNG CHÀ T. ĐIỆN BIÊN

Trần Hồng Quân

DANH SÁCH
TRƯỜNG, SỐ LƯỢNG HỌC SINH KHUYẾT TẬT 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
Kèm theo Quyết định số: 37 /QĐ-PGDĐT ngày 11 /3/2025 của Phòng GD&ĐT)

TT	Trường	Số lượng học sinh khuyết tật	Ghi chú
1	Mầm non số 2 Na Sang	3	
2	Mầm non Ma Thì Hồ	3	
3	Mầm non Huổi Lèng	2	
4	Mầm non Hừa Ngài	1	
5	Mầm non số 2 Sá Tổng	1	
6	Mầm non Mường Anh	1	
7	Mầm non Nậm Nèn	3	
8	Mầm non Huổi Mí	3	
9	Mầm non Mường Tùng	1	
10	Trường Tiểu học số 1 Mường Mươn	2	
11	Trường PTDTBT TH số 2 Mường Mươn	1	
12	Trường PTDTBT TH số 1 Na Sang	3	
13	Trường PTDTBT TH số 2 Na Sang	8	
14	Trường PTDTBT TH Ma Thì Hồ	5	
15	Trường PTDTBT TH Sa Lông	2	
16	Trường PTDTBT TH Huổi Lèng	11	
17	Trường PTDTBT TH Hừa Ngài	2	
18	Trường PTDTBT TH Nậm He	5	
19	Trường PTDTBTTH số 2 Sá Tổng	5	
20	Trường PTDTBTTH Mường Anh	8	
21	Trường PTDTBTTH Nậm Nèn	7	
22	Trường PTDTBTTH Huổi Mí	2	
23	Trường PTDTBT THCS Na Sang	7	
24	Trường THCS Thị trấn	2	
25	Trường PTDTBT THCS Sa Lông	3	
26	Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng	4	
27	Trường PTDTBT THCS Hừa Ngài	2	
28	Trường TH&THCS Mường Tùng	2	Cấp TH: 1 Cấp THCS: 1

29	Trường PTDTBT TH&THCS Sá Tổng	10	Cấp TH: 5 Cấp THCS: 5
30	Trường THCS Mường Anh	8	
31	Trường THCS Nậm Nèn	5	
32	Trường PTDTBT THCS Huổi Mí	1	
Tổng cộng		**123**	

DANH SÁCH HỌC SINH KHUYẾT TẬT CÁC TRƯỜNG MẦM NON
Được chi trả học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập
5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: 37/QĐ-PGDĐT ngày 11/03/2025 của Phòng GD&ĐT)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Trường	Lớp	Diện hỗ trợ	Dạng khuyết tật	Mức độ khuyết tật	Chi trả học bổng			Họ tên bố (mẹ, chủ hộ)	Hộ khẩu thường trú (Bản, xã)		
		Ngày	Tháng	Năm							Mức học bổng hỗ trợ/tháng (đ)	Số tháng hỗ trợ	Tổng mức hỗ trợ (đ)		Bản	Xã/Thị Trấn	Huyện
1	Sùng Tiến Đạt	9	9	2021	Nam	Mầm non Huổi Lèng	MG Bé	Hộ cận nghèo	Nhìn	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Cơ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà
2	Lò Hồng Minh	21	4	2021	Nam	Mầm non Huổi Lèng	MG Bé	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lò Seo Lũ	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà
3	Lầu A Phử	2	12	2019	Nam	MN Huổi Mí	MG Lớn	Hộ Nghèo	Vận động	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lầu A Chống	Lùng Thàng	Huổi Mí	Mường Chà
4	Giàng A Tránh	16	8	2021	Nam	MN Huổi Mí	MG Bé	Hộ Nghèo	Vận động	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Po	Lùng Thàng	Huổi Mí	Mường Chà
5	Thào Đinh Hương	13	5	2021	Nữ	MN Huổi Mí	MG Bé	Hộ Nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thào A Kỳ	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà
6	Mùa Thị Dính	01	01	2020	Nữ	MN Hừa Ngài	MG Nhỡ	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Mùa A Dùng	Há Là Chủ B	Hừa Ngài	Mường Chà
7	Điêu Thảo Chi	07	11	2019	Nữ	MN Mường Anh	MG Lớn	Hộ Nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Điêu Thị Tuấn	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà
8	Ly Thị Dung	20	5	2021	Nữ	MN Mường Tùng	MG Bé	Hộ nghèo	Trí Tuệ	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Ly A Sướn	Nậm Piền	Mường Tùng	Mường Chà
9	Sùng A Thông	11	11	2020	Nam	MN Ma Thì Hồ	MG Nhỡ	Hộ Nghèo	Khác	Đặc Biệt Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Sè	Hồ Chim 1	Ma Thì Hồ	Mường Chà
10	Vừ A Phúc	23	01	2021	Nam	MN Ma Thì Hồ	MG Bé	Hộ Nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Chu	Hồ Chim 1	Ma Thì Hồ	Mường Chà
11	Giàng Thị Linh	8	6	2021	Nữ	MN Ma Thì Hồ	MG Bé	Hộ Nghèo	Vận động	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hồ Thị Cầu	Làng Dung	Ma Thì Hồ	Mường Chà

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
H. MƯỜNG CHÀ T. ĐIỆN BIÊN

12	Thào Thị Hồng Phấn	16	1	2021	Nữ	MN Nậm Nèn	MG Bé	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thào Văn Son	Hô Mức	Nậm Nèn	Mường Chà
13	Giàng Bảo Chung	23	4	2021	Nam	MN Nậm Nèn	MG Bé	Cận nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Luân	Hô Mức	Nậm Nèn	Mường Chà
14	Lò Bảo Minh	22	11	2019	Nam	MN Nậm Nèn	MG Lớn	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lầu Văn Xanh	Phiêng Đất A	Nậm Nèn	Mường Chà
15	Sinh A Dìa	6	3	2020	Nam	MN số 2 Na Sang	MG Nhỡ	Hộ nghèo	Vận động	Mất 65%	1.872.000	5	9.360.000	Sinh A Sùng	Huổi Xuân	Na Sang	Mường Chà
16	Giàng A Sung	22	10	2020	Nam	MN số 2 Na Sang	MG Nhỡ	Hộ nghèo	Trí tuệ	Mất 65%	1.872.000	3,5	6.552.000	Giàng Seo Vừ	Na Sang	Na Sang	Mường Chà
17	Giàng A Ánh	30	12	2021	Nam	MN số 2 Na Sang	MG Bé	Hộ nghèo	Nghe nói	Mất 65%	1.872.000	4	7.488.000	Giàng A Vả	Huổi Xưa	Na Sang	Mường Chà
18	Hờ A Dương	18	8	2019	Nam	MN số 2 Sá Tổng	MG Lớn	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A Hùng	Sá Tổng	Sá Tổng	Mường Chà
Tổng													**163.800.000**				
Danh sách có 18 học sinh																	